TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 14

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 687, 678, 587, 688 là:

A. 678 **B.** 687 **C.** 587 **D.** 688

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 8 × 2 là:

A. 16 **B.** 24 **C.** 14 **D.** 10

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức 52 + 5 × 2 là:

A. 62 **B.** 114 **C.** 50 **D.** 51

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 27 : 9 là:

A. 3 **B.** 18 **C.** 2 **D.** 4

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 32 đi 4 lần được:

A. 28 **B.** 9 **C.** 8 **D.** 128

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/5 **C.** 1/7 **D.** 1/9

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 4 l = …… ml

A. 400 **B.** 40 **C.** 4000 **D.** 40000

Câu 8. *(0,5 điểm)* H là trung điểm của đoạn thẳng EG. Biết EG = 48 cm, độ dài đoạn EH là:

A. 24 cm **B.** 96 cm **C.** 48 cm **D.** 46 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 9 = 72

b) …… : 4 = 38

c) …… + 197 = 563

d) 25 : …… = 5

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 3 × 3 = 9	
b) Hình tròn bán kính 6 cm thì đường kính là 12 cm	
c) 1/7 của 49 là 42	
d) 26 : 5 = 5 (dư 2)	

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 4 ……. 19

b) 1 kg ……. 1100 g

c) 4 m 2 cm ……. 402 cm

d) 1/4 của 32 ……. 1/2 của 12

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1/3 của 18 kg là ……. kg

b) 1/8 của 32 bạn là ……. bạn

c) 1/7 của 35 l là ……. l

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 45 lên 5 lần: …….

b) Giảm 15 đi 5 lần: …….

c) 59 thêm 8 đơn vị: …….

d) Gấp 59 lên 8 lần: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Lớp 3A có 45 học sinh, mỗi bàn ngồi 6 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất ……. cái bàn

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 14

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	A	A	C	C	C	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 72 : 9 = 8

b) 38 × 4 = 152

c) 563 − 197 = 366

d) 25 : 5 = 5

Câu 10.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) S

Câu 11.

a) 5 × 4 = 20 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 4 m 2 cm = 402 cm nên điền dấu «=»

d) 1/4 của 32 là 8; 1/2 của 12 là 6 nên điền dấu «>»

Câu 12.

a) 18 : 3 = 6 (kg)

b) 32 : 8 = 4 (bạn)

c) 35 : 7 = 5 (l)

Câu 13.

a) 45 × 5 = 225

b) 15 : 5 = 3

c) 59 + 8 = 67

d) 59 × 8 = 472

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 14.

45 : 6 = 7 (dư 3). Còn 3 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 7 + 1 = 8 (bàn).